TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh

Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Hương H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Ấp PT, xã PT, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Duy N, sinh năm: 1940

Địa chỉ: XYZ, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm,nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hương H trình bày:

Bà và ông Phạm Duy N do quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/01/2007 tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà không chung sống với nhau mà ông N trở về Hoa Kỳ. Kể từ ngày ông N trở về Hoa Kỳ thì không còn liên lạc với bà nữa,

bà đã cố gắng tìm mọi cách để liên lạc với ông N nhưng không được. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng đối với ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Duy N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Phạm Duy N đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp lần 1 để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Phạm Duy N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ: XYZ, Hoa Kỳ nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trả lời kết quả không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Tuy nhiên cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ còn cung cấp địa chỉ đương sự có thể đang cư trú là ABC, Hoa Kỳ. Tại biên bản làm việc ngày 11 tháng 9 năm 2018, bà H yêu cầu Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp cho ông N theo địa chỉ ABC, Hoa Kỳ. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp lần 2 để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Phạm Duy N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mới. Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được văn bản nêu ý kiến của ông Phạm Duy N, ở địa chỉ ABC, Hoa Kỳ. Nội dung văn bản là ông N có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhưng ông không thể đến Tòa án, ông cho rằng không có bất kỳ tranh chấp nào và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Hương H. Tuy nhiên, văn bản nêu ý kiến của ông Phạm Duy N không được hợp thức hóa lãnh sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng ông Phạm Duy N vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Duy N theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị Hương H và ông Phạm Duy N là ly hôn, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hương H đang ở Việt Nam, bị đơn ông Phạm Duy N hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hương H và ông Phạm Duy N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 2007 nên hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Hương H và ông Phạm Duy N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo như bà H trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng bà H và ông N không chung sống với nhau mà ông N trở về Hoa Kỳ. Kể từ khi ông N trở về Hoa Kỳ cho đến nay thì bà H không liên lạc được, cũng như không có bất kỳ tin tức nào của ông N. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Duy N nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác do không có người nhận tại địa chỉ mà bà H cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ có cung cấp địa chỉ đương sự có thể đang cư trú là 11915 Beechnut Street Houston, TX 77072, Hoa Kỳ. Tại biên bản làm việc ngày 11 tháng 9 năm 2018, bà H yêu cầu Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp cho ông N theo địa chỉ ABC, Hoa Kỳ. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp lần 2 để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Phạm Duy N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mới. Ngày 21 tháng 02 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được văn bản nêu ý kiến của ông Phạm Duy N, ở địa chỉ ABC, Hoa Kỳ. Nội dung văn bản là ông N có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhưng ông không thể đến Tòa án, ông cho rằng không có bất kỳ tranh chấp nào và đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Hương H. Nhưng văn bản nêu ý kiến của ông Phạm Duy N không được hợp thức hóa lãnh sự, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Phạm Duy N đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông N vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của ông N và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản nào hợp lệ ghi nhận lời trình bày của ông N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Huỳnh Thị Hương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Hương H.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Hương H được ly hôn với ông Phạm Duy N.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Hương H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày hợp lệ của ông Phạm Duy N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Hương H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008079 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Thị Hương H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phạm Duy N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thế Xương